TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Bà **Nguyễn Thị Xuân Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn A** - Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà **Phan T** - Sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Thôn D, xã V, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn A trình bày:*

Ông Nguyễn A và bà Phan T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 26/3/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi nhau, xúc phạm đến danh dự của nhau nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại, ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông A được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông A và bà T có tất cả 02 người con chung là Nguyễn D, sinh ngày 08/6/2017 và cháu Nguyễn V, sinh ngày 25/02/2016;

Khi ly hôn ông A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D đến tuổi thành niên và giao con chung cháu Nguyễn V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn A không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn A xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại bản tự khai đề ngày 18/3/2024 của bà Phan T trình bày:*

Bà T hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông A về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Bà T xác nhận trong thời gian chung sống với nhau giữa bà T và ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi nhau, xúc phạm đến danh dự của nhau nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay. Vì vậy, bà T đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung là Nguyễn D, sinh ngày 08/6/2017 và cháu Nguyễn V, sinh ngày 25/02/2016; khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn V đến tuổi thành niên và giao con chung cháu Nguyễn D cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Bà Phan T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa không tham gia phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phan T có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã V, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn A yêu cầu được ly hôn với bà Phan T nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn A và ông Phan T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015 ngày 26/3/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn A và ông Phan T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa ông Nguyễn A ông Phan T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn,

không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của ông A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời trình bày của ông A, bà T thì có 02 con chung là Nguyễn D, sinh ngày 08/6/2016 và cháu Nguyễn V, sinh ngày 25/02/2016. Ông A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn D và tự nguyện giao con chung Nguyễn V cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Đồng thời, cháu D có nguyện vọng ở với ông A và cháu V có nguyện vọng ở với bà T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung Nguyễn D, sinh ngày 08/6/2017 cho ông Nguyễn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; giao con chung Nguyễn V, sinh ngày 25/02/2016 cho bà Phan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Ông A, bà T không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Ông A, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn A và bà Phan T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn A và bà Phan T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn A được ly hôn bà Phan T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn D, sinh ngày 08/6/2017 cho ông Nguyễn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; Giao con chung Nguyễn V, sinh ngày 25/02/2016 cho bà Phan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Ông A, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn A và bà Phan T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Nguyễn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số ký hiệu BLTU/23 số 0005586 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông A đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã V theo Giấy CNKH số 08, ngày 26/3/2015;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thùy My